

HIỆU QUẢ CỦA MÔ HÌNH MÔ PHỎNG LIÊN HỢP QUỐC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

EFFECTIVENESS OF MODEL UNITED NATIONS (MUN) IN DEVELOPING CRITICAL THINKING AND LEADERSHIP SKILLS AMONG STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF DANANG - UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES

Võ Nguyễn Thùy Trang*, Nguyễn Anh Tú, Nguyễn Huỳnh Thảo Uyên, Thái Thùy Trâm, Lê Tất Đan Trường
Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: vnttrang@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 15/6/2025; Sửa bài / Revised: 15/7/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/8/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(8C).437

Tóm tắt - Giáo dục đại học luôn ưu tiên giảng dạy lý thuyết gắn liền với thực hành nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Trong đó, tư duy phản biện (TDPB) và kỹ năng lãnh đạo (KNLD) là hai yếu tố then chốt mà sinh viên (SV) cần chuẩn bị trong hành trang bước vào đời. Bài báo khảo sát hiệu quả của việc áp dụng mô hình Mô phỏng Liên Hợp Quốc (MUN) để phát triển TDPB và KNLD của SV. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng và định tính. Dữ liệu được thu thập từ khảo sát SV trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đã từng tham gia MUN. Kết quả cho thấy, mức độ nhận thức và tiếp cận (NTTC) trong quá trình tham gia MUN ảnh hưởng tích cực đến TDPB và KNLD. SV nhận thức giá trị của MUN, sẵn sàng tái tham gia và mong muốn mở rộng chủ đề, cải tiến hình thức tổ chức. Nghiên cứu góp phần đề xuất phương thức để nâng cao TDPB và KNLD, thúc đẩy hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm cho SV.

Từ khóa - Mô phỏng Liên Hợp Quốc; tư duy phản biện; kỹ năng lãnh đạo; sinh viên

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp toàn cầu, việc nâng cao TDPB và KNLD cho SV trong chương trình giáo dục đại học đã trở thành yếu tố cốt lõi, giúp SV thành công hơn trong học tập và làm việc. Tư duy phản biện giúp sinh viên phân tích, đánh giá và ra quyết định một cách logic và độc lập, trong khi kỹ năng lãnh đạo hỗ trợ họ tổ chức, quản lý và dẫn dắt tập thể hiệu quả. Tuy nhiên, việc tìm kiếm những phương thức thực hành để bồi dưỡng và cải thiện hai yếu tố này là một vấn đề cần được xem xét. Trong khi đó, MUN, một trong những mô hình học tập trải nghiệm, đang trở nên ngày càng phổ biến nhờ khả năng tích hợp kỹ năng thiết yếu như tư duy phản biện (TDPB) và kỹ năng lãnh đạo (KNLD). [1] đã làm rõ tính hữu ích của MUN trong việc phát triển kỹ năng TDPB của học sinh. Tương tự, [2] đề xuất triển khai MUN giúp SV phát triển kỹ năng đàm phán, làm việc nhóm, tư duy phản biện và khả năng thích ứng với môi trường hội nhập, góp phần đổi mới phương pháp dạy học. [3] – thông qua phương pháp Classroom Action Research – áp dụng MUN trong giảng dạy chỉ ra sự tăng điểm trong kỹ năng nói và trình bày vấn đề, cùng với

Abstract - Tertiary education always prioritizes teaching theory combined with practice to meet the recruitment needs of businesses. In particular, critical thinking (TDPB) and leadership skills (KNLD) are two key factors students need to prepare for their future careers. This article examines the effectiveness of applying the Model United Nations (MUN) to develop TDPB and KNLD of students. The study employs quantitative and qualitative methods. Data were collected from a survey among students at The University of Danang - University of Foreign Language Studies, who have participated in MUN. The results show that, the level of awareness and access (NTTC) positively affects TDPB and KNLD. Students recognize the value of MUN, are willing to re-participate, and want to expand the topics and improve the model. The study contributes to proposing methods to improve TDPB and KNLD, promote cooperation between universities and businesses to improve the quality of soft skills training for students.

Key words – Model United Nations (MUN); Critical Thinking; Leadership Skills; Students

sự tham gia tích cực và tự tin hơn của sinh viên. Nghiên cứu khẳng định MUN nâng cao hiệu quả giao tiếp và phát triển kỹ năng nói học thuật. Ngoài ra, sự trôi dạt về kiến thức và nhận thức rõ hơn về vai trò cá nhân trong các quyết định qua MUN [4] giúp SV tự tin thể hiện quan điểm cá nhân ở mọi môi trường khác nhau.

[5] khảo sát mối liên hệ giữa kỹ năng mềm và cơ hội việc làm của sinh viên, và khẳng định kỹ năng mềm như tư duy phản biện sáng tạo, làm việc nhóm là yếu tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của người học trên thị trường lao động. Vì vậy, bài nghiên cứu nhằm mục tiêu khảo sát và đánh giá hiệu quả của MUN trong việc phát triển TDPB và KNLD của SV trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) – Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN). Kết quả nghiên cứu góp phần đề xuất một số phương pháp để SV tối ưu hóa việc tham gia MUN nhằm đạt được hiệu quả nâng cao kỹ năng tốt nhất.

2. Tổng quan lý thuyết

2.1. Mô hình Mô phỏng Liên Hợp Quốc

MUN (Model United Nations) là mô hình học thuật giúp SV phát triển hiểu biết về quan hệ quốc tế và kỹ năng

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Vo Nguyen Thuy Trang, Nguyen Anh Tu, Nguyen Huynh Thao Uyen, Thai Thuy Tram, Le Tat Dan Truong)

ngoại giao [6]. Khi nhập vai đại diện các quốc gia, SV rèn kỹ năng tranh luận, thương lượng, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm [7]. MUN không mang tính thi đấu nhưng vẫn ghi nhận đóng góp qua danh hiệu như “best delegate”. [7] cũng khẳng định MUN tạo cơ hội để SV tiếp cận các vấn đề thời sự, rèn luyện TDPB, kỹ năng hùng biện và giải quyết vấn đề trong môi trường đa văn hóa. Như vậy, MUN không chỉ là một mô hình mô phỏng mà còn là công cụ hiệu quả để SV nâng cao năng lực ngoại giao trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

2.2. Tư duy phản biện

TDPB đóng vai trò cốt lõi trong việc phân tích và đánh giá thông tin một cách logic và có hệ thống. TDPB là quá trình tư duy có kỷ luật, giúp phân tích và đánh giá thông tin một cách logic và có hệ thống [8]. Trong giáo dục, TDPB góp phần phát triển tư duy linh hoạt, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề [9], đồng thời hỗ trợ đánh giá luận điểm và chứng cứ trong nghiên cứu [10]. Theo [11], TDPB gồm sáu kỹ năng cốt lõi: diễn giải, phân tích, đánh giá, suy luận, giải thích và tự điều chỉnh. Đây là kỹ năng nền tảng giúp đưa ra quyết định sáng suốt và hiệu quả trong cả học tập, nghiên cứu và đời sống thực tiễn.

2.3. Kỹ năng lãnh đạo

Khả năng lãnh đạo (KNLĐ) là sự kết hợp giữa phẩm chất cá nhân và năng lực chuyên môn giúp cá nhân dẫn dắt, truyền cảm hứng và thúc đẩy đội nhóm đạt mục tiêu. [12] nhấn mạnh vai trò lãnh đạo trong việc tạo ảnh hưởng tích cực và xây dựng tầm nhìn chung, trong khi [13] cho rằng, trí tuệ cảm xúc là yếu tố cốt lõi giúp lãnh đạo thấu hiểu, đồng cảm và điều chỉnh cảm xúc, từ đó nâng cao hiệu quả quyết định và sự gắn kết nhóm. Lý thuyết Lãnh đạo Chuyên hóa của [14] và [15] bổ sung rằng lãnh đạo hiệu quả không chỉ hoàn thành nhiệm vụ mà còn truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới và chú trọng đến sự phát triển từng thành viên qua bốn yếu tố: ảnh hưởng lý tưởng, động viên cảm hứng, kích thích trí tuệ và quan tâm cá nhân.

2.4. Mối quan hệ giữa Mô hình Mô phỏng Liên Hợp Quốc và tư duy phản biện

MUN là sân chơi học thuật lý có tiềm năng hỗ trợ SV phát triển TDPB và KNLĐ. Trong quá trình chuẩn bị và tranh luận, người tham gia rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, lập luận và phân biện logic. [1] báo cáo kết quả thống kê 92% học sinh ủng hộ việc áp dụng MUN vào học tập, với điểm TDPB và giao tiếp lần lượt đạt 82,58 và 84,45. Ngoài ra, MUN còn thúc đẩy TDPB qua các hoạt động thương lượng và xử lý xung đột. Theo [16], SV từng tham gia MUN có điểm số vượt trội ở cả kỹ năng TDPB và các thái độ tư duy tích cực như tò mò, cởi mở và tự tin. Điều này cho thấy MUN có ảnh hưởng bền vững đến tư duy logic và khả năng ra quyết định trong học tập và cuộc sống.

2.5. Mối quan hệ giữa Mô hình Mô phỏng Liên Hợp Quốc và kỹ năng lãnh đạo

MUN có các đặc điểm hỗ trợ SV thực hành và phát triển KNLĐ trong môi trường đại học. Qua các hoạt động như trình bày quan điểm, tranh luận, làm việc nhóm và đàm phán, người tham gia rèn luyện năng lực ra quyết định, giải quyết vấn đề và điều phối thảo luận. Trong vai trò đại biểu,

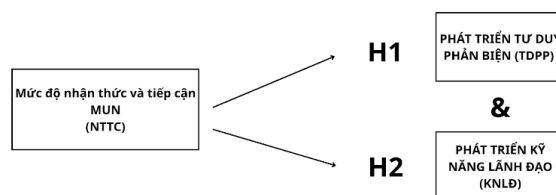
chủ tọa hoặc ban tổ chức, SV thể hiện phẩm chất của một nhà lãnh đạo trẻ. Theo [17], người tham gia MUN cải thiện rõ rệt kỹ năng giao tiếp, nghiên cứu, hiểu biết quốc tế và sự tự tin học tập. Họ mở rộng góc nhìn toàn cầu và vận dụng TDPB linh hoạt trong tranh luận, từ đó được tin nhiệm giao vai trò lãnh đạo. Trải nghiệm này góp phần định hình phong cách lãnh đạo minh bạch, có trách nhiệm – yếu tố then chốt trong môi trường quốc tế.

2.6. Mô hình Mô nghiên cứu

Các giả thuyết nghiên cứu được đặt ra như sau:

H1: Mức độ nhận thức và tiếp cận (NTTC) có tác động tích cực đến sự phát triển TDPB của SV khi tham gia MUN.

H2: Mức độ nhận thức và tiếp cận (NTTC) có tác động tích cực đến sự phát triển KNLĐ của SV khi tham gia MUN.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

3. Câu hỏi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Thực trạng việc ứng dụng MUN trong môi trường giáo dục đại học như thế nào?

- Hiệu quả của MUN trong việc nâng cao kỹ năng TDPB của SV đại học thể hiện như thế nào?

- Hiệu quả của MUN trong việc nâng cao KNLĐ của SV đại học thể hiện như thế nào?

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính được sử dụng để khảo sát và phân tích dữ liệu. Bảng câu hỏi khảo sát bằng biểu mẫu Google form được xây dựng nội dung dựa trên khung TDPB của [11] và Lý thuyết Lãnh đạo Chuyên hóa của [14] và [15], và sử dụng thang đo Likert 5 mức độ quan tâm. Phần mềm SPSS 20 được sử dụng để phân tích và thực hiện các phân tích thống kê dữ liệu thu thập. Bên cạnh đó, phỏng vấn SV cũng được thực hiện để có thêm thông tin khách quan đánh giá về mức độ ảnh hưởng của MUN.

Đối tượng tham gia khảo sát là 125 SV trường ĐHN, ĐHĐN, và tập trung nhiều ở Khoa Quốc tế học và Khoa tiếng Anh Chuyên ngành. Đối tượng khảo sát được phân loại thông qua câu hỏi Có hoặc Không về việc đã từng tham gia MUN. Theo đó gần 2/3 số lượng SV chưa tham gia MUN và có thông tin về mô hình MUN. 100% SV nhóm này đồng ý với lựa chọn họ có quan tâm và hứng thú với việc sẽ được tham gia MUN. Vậy nên, chỉ những SV phản hồi đã từng tham gia MUN có thể tiếp tục thực hiện khảo sát chi tiết để đánh giá mức độ ảnh hưởng của MUN. Theo đó, dữ liệu thu được từ 53 SV đã tham gia vào MUN được sử dụng để đảm bảo tính đáng tin cậy và có giá trị cho việc phân tích dữ liệu. SV tham gia khảo sát sẽ trả lời các câu hỏi đóng và đưa ra các ý kiến về sự ảnh hưởng của MUN đối với sự cải thiện TDPB và KNLĐ.

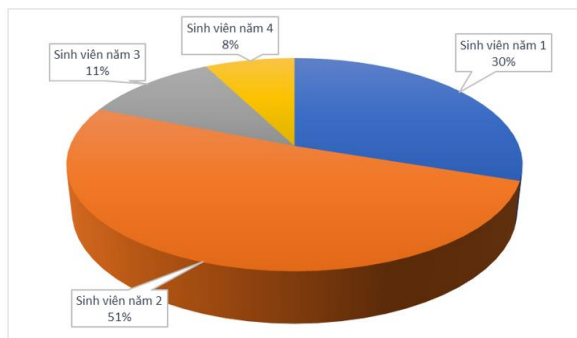
4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng việc ứng dụng Mô hình Mô phỏng Liên Hợp Quốc trong môi trường giáo dục đại học

MUN ngày càng phổ biến trong môi trường đại học, tuy nhiên mức độ tiếp cận và tham gia của SV vẫn là một câu hỏi cần được tìm hiểu để đánh giá mức độ lan tỏa và tác động của mô hình này. Do đó, ở bước đầu tiên, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát thực trạng SV từng tham gia MUN, tập trung vào hai khía cạnh: năm học của người tham gia và tần suất tham gia mô hình. Kết quả thống kê được trình bày ở biểu đồ Hình 1 và Bảng 1.

Bảng 1. Tần suất tham gia MUN của SV

9	N	Tỷ lệ (%)
1 lần	8	15,1%
2 - 3 lần	36	67,9%
4 - 5 lần	5	9,4%
Trên 5 lần	4	7,5%
Tổng cộng	53	100%



Hình 2. Tỷ lệ SV theo năm học của các khách thể tham gia khảo sát

Kết quả ở Hình 2 và Bảng 1 cho thấy, số lượng SV năm thứ hai chiếm tỷ lệ cao nhất (51%) trong số đối tượng tham gia khảo sát tham gia mô hình MUN tại ĐHQĐ. Có thể lý giải cho sự tham gia này là bởi đây là giai đoạn SV bắt đầu tích cực tham gia ngoại khóa sau khi đã thích nghi với môi trường đại học. Số lượng SV năm thứ nhất chiếm 30%, và SV chia sẻ họ chưa quen với các hoạt động học thuật và e ngại thể hiện trước đám đông, trong khi SV năm ba (11%) và năm tư (8%) tham gia ít hơn do bận rộn với học tập và định hướng nghề nghiệp. Bảng 1 cho thấy, phần lớn SV tham gia MUN nhiều hơn một lần, trong đó 67,9% tham gia 2-3 lần vì là một phần trong chương trình học và hứng thú với hoạt động này. Một số SV tham gia 4-5 lần (9,4%) hoặc trên 5 lần (7,5%), thường đảm nhận vai trò tổ chức, thể hiện tiềm năng về khả năng lãnh đạo, và đứng đầu đội nhóm. Như vậy, tần suất tham gia MUN ở từng nhóm đối tượng phản ánh thực trạng về việc áp dụng mô hình MUN trong hoạt động học tập ở trường học, góp phần tạo tiền đề cho việc đề xuất các kế hoạch tổ chức MUN được hiệu quả hơn và tiếp cận với nhiều nhóm đối tượng hơn.

4.2. Hiệu quả của MUN đối với tư duy phản biện và kỹ năng lãnh đạo

Với tính chất học thuật và mô phỏng môi trường giáo tiếp thực tế, MUN mang lại cơ hội để SV rèn luyện TDPB sắc bén và phát triển KNLD qua các hoạt động tranh luận, thương lượng và ra quyết định. Những tác động cụ thể của

MUN đến hai kỹ năng này sẽ được thể hiện qua các bảng khảo sát dưới đây.

Bảng 2. Mức độ cải thiện TDPB khi tham gia MUN

Hệ số Cronbach's Alpha tổng 0,769	
Các biến phụ thuộc	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Khả năng phân tích vấn đề đa chiều	0,730
Đánh giá thông tin và lập luận dựa trên bằng chứng	0,732
Đưa ra giải pháp sáng tạo cho vấn đề phức tạp	0,701
Nhận diện và loại bỏ định kiến trong lập luận	0,726
Tranh luận và bảo vệ quan điểm một cách logic	0,743

Theo Bảng 2, các biến thành phần dao động từ 0,701 đến 0,743, đảm bảo độ tin cậy của toàn thang đo. Cụ thể, biến “Khả năng phân tích vấn đề đa chiều” có Alpha là 0,730, cho thấy rằng SV sau khi tham gia MUN có thể tiếp cận và phân tích các vấn đề từ nhiều khía cạnh khác nhau thay vì chỉ nhìn nhận một chiều. “Đánh giá thông tin và lập luận dựa trên bằng chứng” đạt mức 0,732, phản ánh sự tiến bộ trong việc suy luận dựa trên lập luận logic và dữ liệu thay vì cảm tính. Bên cạnh đó, kỹ năng “Đưa ra giải pháp sáng tạo cho vấn đề phức tạp” với hệ số 0,701 cho thấy, MUN khuyến khích SV phát triển tư duy sáng tạo trong quá trình xử lý tình huống. Đặc biệt, “Nhận diện và loại bỏ định kiến trong lập luận” (Alpha 0,726) và “Tranh luận và bảo vệ quan điểm một cách logic” (0,743) là hai kỹ năng được cải thiện đáng kể, phản ánh rõ vai trò của MUN trong việc tạo môi trường phản biện cởi mở và có tính đối thoại cao.

Bảng 3. Mức độ cải thiện KNLD khi tham gia MUN

Hệ số Cronbach's Alpha tổng 0,886	
Các biến phụ thuộc	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Khả năng điều phối và dẫn dắt thảo luận	0,863
Khả năng ra quyết định trong môi trường áp lực	0,848
Kỹ năng đàm phán và thương lượng hiệu quả	0,870
Xây dựng chiến lược và giải quyết xung đột	0,866
Truyền cảm hứng và thúc đẩy tinh thần đồng đội	0,858

Hệ số Cronbach's Alpha tổng đạt 0,886, cho thấy mức độ tin cậy rất cao của thang đo và sự nhất quán nội tại giữa các biến thành phần. Điều này chứng minh rằng các yếu tố cấu thành kỹ năng lãnh đạo được đo lường chặt chẽ và phản ánh chính xác mức độ ảnh hưởng của MUN tới quá trình rèn luyện năng lực lãnh đạo của SV. Biến “Khả năng điều phối và dẫn dắt thảo luận” có Cronbach's Alpha nếu loại biến là 0,863, phản ánh rằng sinh viên tham gia MUN đã có sự tiến bộ rõ rệt trong việc tổ chức và quản lý các cuộc thảo luận, giữ vai trò trung tâm trong việc điều hướng trao đổi nhóm. Tiếp theo, “Khả năng ra quyết định trong môi trường áp lực” có hệ số 0,848, cho thấy MUN là môi trường mô phỏng hiệu quả giúp sinh viên làm quen với các tình huống căng thẳng, từ đó rèn luyện tư duy chiến lược và khả năng ra quyết định nhanh chóng, chính xác. Biến “Kỹ năng đàm phán và thương lượng hiệu quả” với hệ số 0,870 cho thấy vai trò nổi bật của MUN trong việc giúp sinh viên phát triển khả năng giao tiếp linh hoạt. Trong khi đó, “Xây dựng chiến lược và giải quyết xung đột” (0,866) và “Truyền cảm hứng và thúc đẩy tinh thần đồng đội” (0,858) đều phản ánh sự phát triển toàn diện về năng lực lãnh đạo, từ kỹ năng lập

kế hoạch đến việc tạo động lực cho thành viên.

Bảng 4. Kết quả kiểm định ANOVA giữa biến NTTC với TDPB và KNLD

		<i>Sum of Squares</i>	<i>df</i>	<i>Mean Square</i>	<i>F</i>	<i>Sig.</i>
TDPB	Giữa các nhóm	1,279	3	,426	3,009	,039
	Trong các nhóm	6,943	49	,142		
	Tổng	8,222	52			
KNLD	Giữa các nhóm	6,259	3	2,086	6,586	,001
	Trong các nhóm	15,522	49	,317		
	Tổng	21,781	52			

Theo Bảng 4, kết quả kiểm định ANOVA cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm NTTC đối với TDPB (Sig. = 0,039 < 0,05) và KNLD (Sig. = 0,001 < 0,01). Đặc biệt, giá trị F cao hơn ở biến KNLD (F = 6,586) cho thấy mức độ ảnh hưởng của NTTC đến kỹ năng lãnh đạo rõ rệt hơn so với tư duy phân biện. Điều này cho thấy nhận thức tích cực về mô hình MUN có mối liên hệ chặt chẽ với hiệu quả phát triển các kỹ năng mềm của sinh viên.

Kết quả phỏng vấn ý kiến đánh giá của SV về ảnh hưởng của MUN ghi nhận các phản hồi tích cực về sự cải thiện TDPB và KNLD của SV. Chia sẻ về sự cải thiện TDPB, SV cho rằng MUN giúp họ cải thiện khả năng phản ứng tình huống, rèn luyện phản xạ lập luận, kiểm soát cảm xúc và đưa ra lập trường dựa trên cơ sở lý tính, giúp họ rèn luyện tư duy phân tích, đánh giá thông tin, phân biện và phản hồi một cách có chiến lược. Các hoạt động như tranh luận và thương lượng yêu cầu người tham gia không chỉ nắm chắc kiến thức chuyên sâu mà còn cần linh hoạt trong việc diễn đạt, bảo vệ lập trường và xử lý các tình huống khẩn cấp. Một số người đề xuất nên bổ sung yếu tố "phân biện bắt ngờ" hoặc thay đổi lập trường giữa chừng để luyện khả năng thích ứng, điều này chứng tỏ họ hiểu rõ giá trị của tranh luận phân biện như một kỹ thuật học tập chủ động - vốn được xem là nền tảng của tư duy bậc cao trong giáo dục đại học. Về KNLD, nhiều SV cho biết họ học được cách phân công nhiệm vụ, tổ chức nhóm, điều phối thảo luận và giữ vững mục tiêu chung. Không chỉ những người giữ vai trò chính thức, mà cả các thành viên bình thường cũng phản ánh sự trưởng thành trong cách làm việc, phối hợp và chủ động đóng góp. Một số ý kiến nhấn mạnh khả năng lắng nghe, quản lý mâu thuẫn và duy trì tinh thần tích cực, cho thấy họ đã tiếp cận với các khía cạnh sâu hơn của lãnh đạo như trí tuệ cảm xúc và tư duy tổ chức.

5. Kết luận

Các kết quả định lượng và định tính cho thấy MUN góp phần phát triển TDPB và KNLD của SV. Họ có sự cải thiện về khả năng lập luận, đánh giá thông tin, tư duy đa chiều và giải quyết vấn đề. KNLD cũng được nâng cao, đặc biệt ở các khía cạnh như điều phối thảo luận, ra quyết định, và truyền cảm hứng cho đội nhóm. SV có nhận thức tích cực về mô hình MUN và mức độ phát triển kỹ năng mềm như

phân biện chiến lược, điều phối nhóm và phát triển trí tuệ cảm xúc – những yếu tố then chốt trong môi trường học thuật và nghề nghiệp hiện đại. Những trải nghiệm thực tiễn từ MUN không chỉ nâng cao kiến thức mà còn rèn luyện sự tự tin, tư duy đa chiều và khả năng thích ứng. Qua đó, MUN góp phần quan trọng vào việc phát triển kỹ năng học thuật và chuyên môn, trang bị cho SV hành trang vững chắc để bước vào môi trường toàn cầu hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] S. Al Khadzir and Sumarni, "Model United Nations (MUN): Learning method to enhance critical thinking skill and communication skill for high school students", *Journal of Education and Learning (EduLearn)*, vol. 14, no. 4, pp. 537–543, 2020.
- [2] L. T. P. Loan and V. T. Giang, "Solutions to organizing model united nations for students of department of International students, University of Foreign Language Studies, The University of Danang", *The University of Danang – Journal of Science and Technology*, vol. 113, no. 4, pp. 6-11, 2017.
- [3] S. S. Nasution and N. N. Sukmawati, "Model United Nations: Improving the students' speaking skill", *Journal of English Educators Society*, vol. 4, no. 2, pp. 47–52, 2019.
- [4] D. K. Jesuit and B. Endless, "Model United Nations and experiential learning: An assessment of changes in knowledge and attitudes", *Journal of Social Studies Education Research*, vol. 9, no. 4, pp. 198–213, 2018.
- [5] N. T. Trang, D. T. Trang, P. M. Trang, N. M. Chau, and N. M. Phuong, "Research on the relationship between soft skills and employment opportunities of students at Hanoi University of Industry", *Student Journal of Scientific Research*, vol. 12, 2022.
- [6] Oxford University United Nations Association, *A beginner's guide to MUN*, 2018.
- [7] J. P. Muldoon and C. J. Myrick, "The Model United Nations: 50+ and growing strong", *Educational Leadership*, vol. 53, no. 2, pp. 98–100, 1995.
- [8] M. Scriven and R. Paul, "Defining Critical Thinking", *8th Annual International Conference on Critical Thinking and Education Reform*, 1987.
- [9] D. F. Halpern, "Teaching for critical thinking: Helping college students develop the skills and dispositions of a critical thinker", *New Directions for Teaching and Learning*, vol. 75, pp.6-7, 1998.
- [10] A. Fisher, *Critical thinking*, Cambridge University Press, 2001.
- [11] P. A. Facione, "Critical Thinking: A Statement of Expert Consensus for Purposes of Educational Assessment and Instruction", The Delphi Report, pp. 2-4, 1990.
- [12] N. D. Phong, "The role of leadership skills in organizational management", *Ho Chi Minh City University of Education - Journal of Science*, vol. 17, no. 5, pp. 45-56, 2020.
- [13] D. Goleman, "Leadership that gets results", *Harvard Business Review*, vol. 78, no. 2, pp. 78–90, 2000.
- [14] J. M. Burns, *Leadership*, New York: Harper & Row, 1978.
- [15] B. M. Bass, *Leadership and Performance Beyond Expectations*, New York: Free Press, 1985.
- [16] F. Fan, "An empirical study of the effect of Model United Nations activities on the cultivation of critical thinking ability among college students", *Journal of Educational Theory and Management*, vol. 8, no. 1, pp. 26–30, 2024.
- [17] L. Z. – Nishide, S. Saito, N. McClelland, and D. Tatsuki, "Developing global leadership skills with Model United Nations (MUN): A CLIL-based flipped classroom approach", *The Asian Conference on Language Learning 2017: Official Conference Proceedings*, 2017.